

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/5/2024		●	
Tuần 6/5-10/5/2024		●	
Tháng 05/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index chưa thể vượt qua ngưỡng 1,250 trong ngày hôm nay. Sau một ngày giằng co chỉ số đóng cửa tại mốc 1,248.64, gần như đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 9/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Thực phẩm và đồ uống dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, ngoại trừ ngành Du lịch & giải trí và Truyền thông, các ngành khác chỉ tăng chưa đến 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng gần 2 nghìn tỷ trên sàn HSX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường cần sự ủng hộ của dòng tiền hơn để có thể chinh phục vùng 1,250 – 1,260 này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 09/05/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-1.82** điểm, đóng cửa tại **1248.64** điểm. HNX-Index **+0.06** điểm, đóng cửa tại **234.58** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BCM (+0.94)**, **HVN (+0.63)**, **CTG (+0.4)**, **VPB (+0.39)**, **PGV (+0.23)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.72)**, **VCB (-0.68)**, **VNM (-0.65)**, **BID (-0.42)**, **SAB (-0.4)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,448** tỷ đồng, giảm **-14.34%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,962 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.51 điểm. Thị trường có **201** mã tăng, 67 mã tham chiếu, **241** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1699.14** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-1249.56** tỷ), **DGC (-136.84** tỷ), **VHC (-101.12** tỷ), **TCB (-67.45** tỷ), **HDB (-64.10** tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **22.76** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.17%**. Các mã diễn biến tích cực: **VHC (+2.08%)**, **IDC (+1.63%)**, **CTR (+1.08%)**.
- BSC50 **-0.21%**. Các mã diễn biến tích cực: **VTP (+3.25%)**, **PVT (+3.02%)**, **FRT (+2.71%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.17%	-0.21%	-0.15%	-0.26%
1 tuần	3.24%	4.16%	2.80%	3.02%
1 tháng	1.37%	0.90%	0.94%	1.09%
3 tháng	3.26%	-2.27%	0.21%	1.36%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,248.64	234.58	91.91
% 1D	-0.15%	0.03%	0.37%
GTGD (tỷ VND)	16,448	1,554	832
%1D	-14.34%	-31.35%	-3.61%
GDNN (tỷ VND)	-1699.14	22.76	-41.19

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HVN	215.66	VHM	-1249.56
MWG	110.18	DGC	-136.84
HPG	86.89	VHC	-101.12
PVT	43.84	TCB	-67.45
TCH	33.11	HDB	-64.10

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,188	0.00%	3.37%
FTSE100	8,362	0.10%	2.97%
Eurostoxx	5,021	-0.43%	2.47%
Shanghai	3,154	0.83%	1.33%
Nikkei	38,071	-0.34%	-0.81%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	83.11	-0.50%
Giá vàng	2,322	0.34%

Tỷ giá

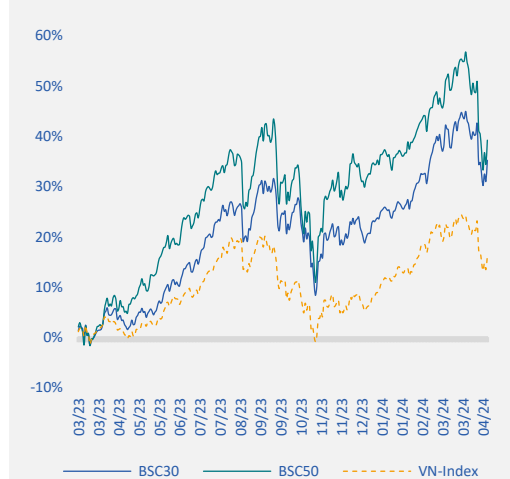
USD/VND	25,478	0.07%
EUR/VND	28,073	0.03%
JPY/VND	167	-0.60%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.8%	-0.01%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



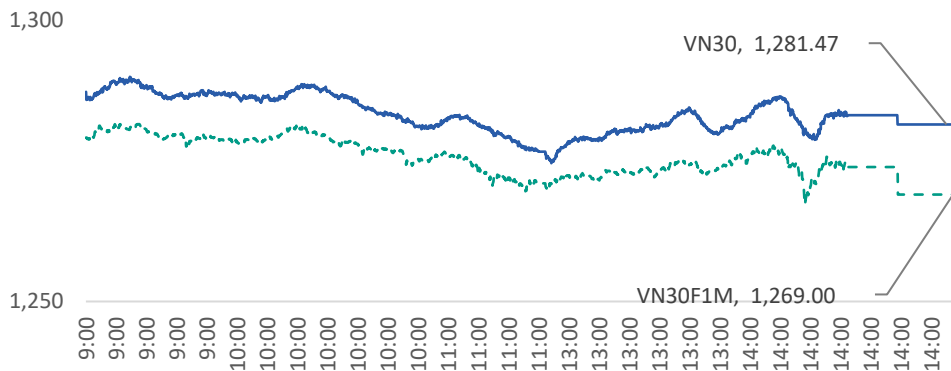
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1274.3	-0.37%	222	55.24%	9/19/2024	133
VN30F2412	1276.7	-0.24%	59	110.7%	12/19/2024	224
VN30F2405	1269	-0.78%	235911	-10.03%	5/16/2024	7
VN30F2406	1273.1	-0.31%	2208	54.30%	6/20/2024	42

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -3.38 điểm, đóng cửa tại 1281.47 điểm. Biên độ dao động 15.35 điểm. Các cổ phiếu như VNM, HDB, HPG, FPT, MSN tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán cuối phiên kéo VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới đường MA20 cho thấy tâm lý thận trọng bao trùm thị trường. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2405, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2405,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIC2312	7/5/2024	57	74,400	20.36%	52.35	230	76.9%	0.04	54.65	45.40	45.40
CVHM2307	6/26/2024	48	104,400	54.01%	62.67	50	25.0%	0.00	63.07	40.95	40.95
CSTB2316	6/26/2024	48	49,400	31.59%	36.33	50	25.0%	0.01	36.58	27.80	27.80
CVRE2318	7/5/2024	57	166,100	38.46%	31.00	160	14.3%	0.01	31.64	22.85	22.85
CVHM2302	5/24/2024	15	53,600	23.17%	50.00	110	10.0%	0.00	50.44	40.95	40.95
CVHM2313	10/9/2024	153	190,000	30.40%	50.00	340	9.7%	0.10	53.40	40.95	40.95
CVHM2311	8/5/2024	88	25,300	49.33%	60.50	130	8.3%	0.00	61.15	40.95	40.95
CVHM2318	1/6/2025	242	5,300	41.53%	53.46	900	4.7%	0.23	57.96	40.95	40.95
CPOW2309	5/17/2024	8	7,300	30.81%	14.50	10	0.0%	0.00	14.52	11.10	11.10
CVHM2316	7/5/2024	57	103,200	27.07%	51.23	100	0.0%	0.01	52.03	40.95	40.95
CVNM2310	8/9/2024	92	450,900	21.10%	78.40	230	0.0%	0.04	80.65	66.60	66.60
CSTB2318	5/17/2024	8	103,600	15.25%	32.00	10	0.0%	0.00	32.04	27.80	27.80
CVRE2315	10/9/2024	153	433,900	38.64%	30.00	210	-4.5%	0.06	31.68	22.85	22.85
CVRE2313	8/5/2024	88	4,700	32.43%	29.50	190	-5.0%	0.05	30.26	22.85	22.85
CVHM2317	10/7/2024	151	1,509,900	33.88%	52.35	310	-6.1%	0.08	54.83	40.95	40.95
CVNM2314	10/7/2024	151	75,800	33.15%	85.15	450	-6.3%	0.05	88.68	66.60	66.60
CVNM2315	1/6/2025	242	3,500	39.86%	87.11	1,540	-7.2%	0.20	93.14	66.60	66.60
CVPB2317	7/5/2024	57	6,600	24.03%	22.88	100	-9.1%	0.03	23.26	18.75	18.75
CNVL2305	6/26/2024	48	76,400	37.30%	17.00	470	-13.0%	0.01	18.88	13.75	13.75
CVIC2306	6/26/2024	48	38,900	38.81%	62.22	100	-41.2%	0.00	63.02	45.40	45.40

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 09/05/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2312 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 76.92%. CMWG2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.31%.
- CVHM2307, CVRE2320, CVHM2311, CPOW2306, và CVRE2319 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2401, CTCB2302, CMWG2305, CFPT2310, và CTCB2312 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	18.75	1.08%	0.91
TCB	48.45	0.52%	0.54
TPB	18.15	2.25%	0.43
MBB	22.65	0.44%	0.28
CTG	32.90	0.92%	0.23

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VNM	66.60	-1.91%	-1.01
HDB	23.70	-1.66%	-0.81
HPG	30.45	-0.81%	-0.75
FPT	130.30	-0.53%	-0.71
MSN	71.40	-1.24%	-0.60

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BCM	54.50	6.42%	0.94	1.73
HVN	19.70	5.58%	0.63	15.53
CTG	32.60	0.92%	0.40	7.24
VPB	18.55	1.08%	0.39	13.89
PGV	20.50	3.90%	0.23	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	61.50	1.79%	1.45	3.83
VCS	67.00	2.99%	1.29	0.83
HUT	17.10	1.75%	1.07	7.44
MVB	20.70	5.80%	0.52	0.00
VIT	16.10	9.32%	0.32	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HAX	14.13	14.75%	0.05	1.45
TCR	3.43	7.00%	0.00	0.01
CMG	51.80	6.95%	0.18	1.44
VNS	12.95	6.95%	0.02	0.27
PSH	4.97	6.84%	0.01	1.47

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PHN	64.00	10.00%	0.20	0.00
VE3	8.10	9.88%	0.00	0.00
API	4.10	9.76%	0.14	1.00
AAV	6.20	9.68%	0.18	3.12
NSH	5.20	9.62%	0.04	0.28

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	77.40	-1.68%	-0.72	0.77
VCB	93.00	-0.54%	-0.68	0.69
VNM	67.90	-1.91%	-0.65	3.00
BID	49.80	-0.60%	-0.42	0.97
SAB	58.90	-2.21%	-0.40	1.17

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	43.00	-1.16%	-0.93	4.07
SHS	19.00	-1.05%	-0.63	15.60
PVI	49.70	-1.21%	-0.54	0.01
CEO	18.50	-1.08%	-0.40	6.00
MBS	28.50	-0.70%	-0.34	2.68

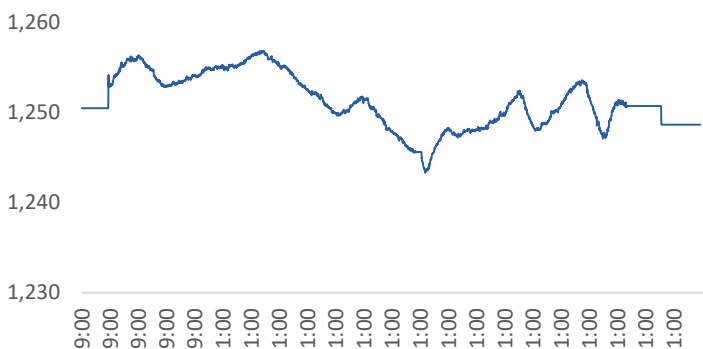
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FUESSVFL	20.25	-20.30%	-0.05	0.04
TNC	64.90	-6.93%	-0.02	0.00
MDG	12.00	-6.25%	0.00	0.00
TPC	5.98	-6.19%	0.00	0.00
VAF	14.65	-5.80%	-0.01	0.00

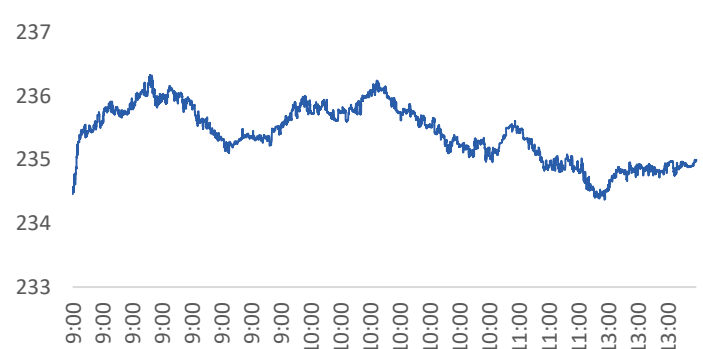
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CAN	52.90	-9.83%	-0.09	0.00
NHC	30.60	-9.80%	-0.03	0.00
CX8	7.30	-9.59%	-0.01	0.00
VE1	3.30	-9.09%	-0.01	0.02
GLT	19.90	-9.05%	-0.06	0.00

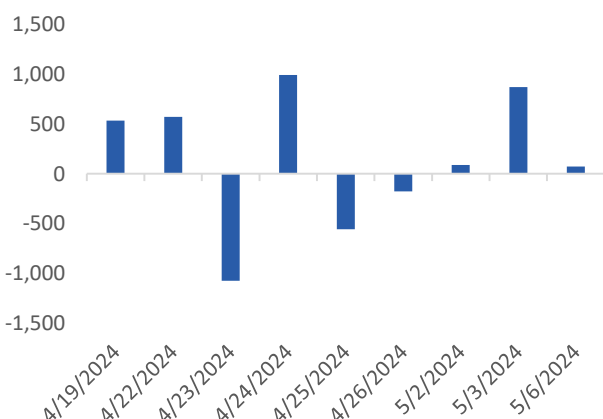
Hình 1
HSX-Index Intraday



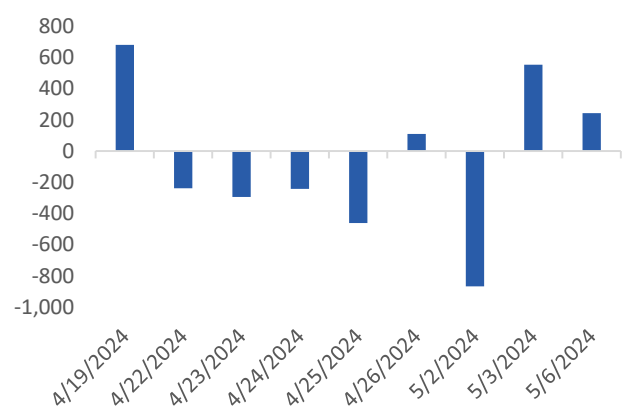
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	92.5	-0.50%	0.6	20,354	2.2	5,838	15.8	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.5	-0.60%	1.1	11,109	1.9	3,841	12.9	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	1.10%	1.0	5,857	7.2	1,397	13.4	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	48.4	0.50%	1.1	6,719	16.6	5,600	8.7	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.6	0.40%	1.0	4,715	13.9	3,818	5.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	27.8	-0.50%	1.0	2,063	8.3	4,206	6.6	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	32.9	0.90%	1.2	6,956	9.3	3,751	8.8	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	27.6	0.20%	0.8	4,220	4.5	4,072	6.8	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	35.2	-1.30%	1.3	2,091	21.3	1,704	20.7	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	62.6	11.40%	1.2	813	9.4	5,880	10.6	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	30.4	-0.80%	1.2	6,971	23.3	1,601	19.0	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	20.4	-1.20%	1.6	495	7.0	1,423	14.3	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	41.0	0.10%	1.1	7,020	11.8	5,074	8.1	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	36.0	0.00%	1.4	1,133	4.4	726	49.6	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	40.8	-0.50%	1.4	618	3.5	1,040	39.2	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	124.8	1.10%	1.5	1,866	33.9	7,845	15.9	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	34.2	0.10%	1.3	713	5.7	2,313	14.8	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	76.1	-1.70%	0.6	6,881	2.3	4,688	16.2	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	42.5	7.10%	0.9	800	6.8	1,992	21.3	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	31.7	0.30%	1.2	694	4.4	1,200	26.4	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.1	-0.40%	0.7	1,023	1.6	350	31.8	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	78.5	2.10%	1.2	694	13.6	4,914	16.0	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	84.3	-0.70%	0.9	1,030	7.0	8,430	10.0	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	66.6	-1.90%	0.6	5,480	7.9	4,408	15.1	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	71.4	-1.20%	1.3	4,232	20.1	215	331.5	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	58.9	-0.30%	1.5	3,391	24.3	717	82.1	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.5	-1.10%	0.9	1,271	4.2	5,860	16.5	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	61.3	-0.30%	1.9	403	3.8	2,200	27.9	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	130.3	-0.50%	0.9	6,515	11.3	5,335	24.4	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	130.9	1.10%	1.1	590	2.0	4,582	28.6	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.7	-1.70%	0.9	2,718	6.6	3,809	6.2	1.4	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.6	0.20%	1.2	2,157	2.6	3,315	6.5	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.2	2.30%	1.2	1,573	11.1	2,050	8.9	1.2	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.2	0.00%	1.2	1,114	2.2	2,310	6.1	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.8	-1.10%	1.1	1,220	2.5	1,147	15.5	1.3	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	28.3	0.50%	1.6	784	10.8	1,175	24.1	2.3	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	48.0	-1.00%	1.7	827	10.6	1,409	34.1	2.6	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	20.6	-1.40%	1.6	988	5.9	2,057	10.0	1.5	22.6%	13.1%
BID	Ngân hàng	49.5	-0.60%	1.1	11,109	1.9	3,841	12.9	2.3	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	18.8	2.70%	1.8	602	11.5	1,076	17.5	1.4	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.8	-0.80%	1.6	88	2.0	655	18.0	0.9	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.4	3.00%	1.5	611	3.5	73	238.1	1.4	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	68.1	-0.40%	1.2	268	3.2	2,709	25.1	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.8	0.00%	1.5	208	3.0	833	15.4	0.5	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	9.9	0.00%	1.5	-	0.2	433	22.9	0.9	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	28.1	-1.70%	1.9	675	17.2	(38)	-732.0	2.2	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	18.3	1.10%	1.3	371	4.3	312	58.7	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	30.0	-0.20%	1.6	907	4.6	1,262	23.8	1.1	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	54.2	1.70%	1.4	957	2.0	2,746	19.7	2.5	5.4%	12.5%
SZC	BĐS KCN	41.8	-0.40%	1.2	297	3.0	1,514	27.6	2.5	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	85.8	0.00%	1.3	614	0.5	5,701	15.1	3.6	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	58.9	0.00%	1.1	314	0.6	3,448	17.1	2.0	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	31.8	0.20%	1.6	5,000	7.2	628	50.6	2.3	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	23.8	0.00%	1.7	246	4.3	1,222	19.4	1.1	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	116.0	0.60%	1.0	374	1.7	11,594	10.0	3.3	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	14.0	-1.80%	1.5	208	0.8	865	16.2	1.2	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	16.6	-1.80%	1.9	471	4.2	420	39.5	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.8	-1.50%	1.3	2,044	4.6	1,966	11.6	1.3	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	26.8	-1.10%	1.9	781	12.2	964	27.8	2.1	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	63.7	1.30%	1.6	111	2.8	4,370	14.6	1.9	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	39.4	1.00%	1.0	125	1.0	3,461	11.4	1.7	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	40.2	0.50%	0.9	2,011	3.4	2,570	15.6	1.7	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	28.2	0.40%	1.5	90	0.3	1,112	25.4	1.7	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	19.1	-1.00%	1.1	-	3.1	2,790	6.8	1.0	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	31.9	-0.90%	0.7	149	1.2	2,286	14.0	2.0	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	26.8	-0.20%	1.3	328	1.7	651	41.2	1.1	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	27.0	-1.50%	1.3	325	1.0	2,061	13.1	1.1	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	21.6	-0.90%	1.9	726	7.0	625	34.7	0.9	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	16.9	0.00%	0.6	-	0.4	1,549	10.9	1.4	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	66.0	-0.60%	0.9	1,062	3.5	4,706	14.0	1.3	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	31.1	1.30%	1.3	163	3.3	(252)	-123.1	1.4	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	70.4	-0.70%	0.8	186	1.3	4,765	14.8	1.7	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	29.0	3.00%	0.8	406	9.0	3,150	9.2	1.0	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	21.0	-1.40%	1.4	221	2.2	532	39.4	1.7	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	43.0	0.90%	1.4	178	6.7	3,081	13.9	1.4	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	82.5	3.30%	1.3	396	7.5	2,980	27.7	6.2	7.1%	25.6%
DBC	Bán lẻ	28.9	-1.40%	1.7	275	7.8	1,729	16.7	1.5	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	166.9	2.70%	0.8	895	5.5	(2,548)	-65.5	11.1	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.8	-1.20%	0.7	-	2.9	6,737	7.2	2.0	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	33.9	-0.60%	1.2	522	3.5	1,372	24.7	1.1	10.0%	4.2%
TNG	Đệt may	21.9	9.00%	1.1	98	1.8	1,981	11.1	1.3	18.6%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
8	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
9	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
11	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639